TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – VĨNH LONG** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/DS-ST
Ngày: 06-08-2026
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Hồng Mến
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thuý Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2026/TLST-DS, ngày 04/05/2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2026/QĐXXST-DS, ngày 17/06/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 658/2026/QĐST-DS, ngày 08/07/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C (*ấp C cũ*), xã B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/04/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày:

Vào tháng 6/2020 bà và ông T có quen biết nhau, lợi dụng lòng tin của bà, ông T đã nhiều lần vay tiền để trả nợ, trang trãi gia đình cùng với điều trị bệnh. Hiện nay số tiền thực tế ông vay thông qua chuyển khoản Ngân hàng là 84.000.000đ và vay tiền

mặt, ông T có viết giấy vay tiền với số tiền là 84.000.000đ vào ngày 07/10/2023, sau đó vay thêm 2.800.000đ nhưng không có làm giấy tờ, tổng cộng là 86.800.000đ. Sau khi vay xong, ông T hứa sẽ trả cho bà hàng tháng là 2.000.000đ nhưng không thực hiện. Bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ thì ông T cố tình lẫn tránh không trả cho đến nay. Do đó bà yêu cầu ông Lê Văn T trả lại cho bà số tiền là 86.800.000đ (*Tám mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*).

- Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- *Tại phiên tòa*, nguyên đơn bà Trần Thị X xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 2.800.000đ, chỉ yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền là 84.000.000đ, không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị X.

Buộc ông Lê Văn T trả số tiền là 84.000.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền rút lại là 2.800.000đ.

Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu án phí là 4.200.000đ.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T có trách nhiệm trả lại số tiền vay, nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"; bị đơn cư trú tại xã C, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26,

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Về nội dung*:

[1]. *Tại phiên tòa*, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 2.800.000đ, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này, theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết đối với số tiền là 84.000.000đ.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, ra Quyết định đối chất, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn đến Tòa án đối chất, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Lê Văn T nhận (BL44) nhưng không đến và cũng không có bất cứ văn bản nào để trình bày gửi cho Tòa án để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc phản đối đó. Như vậy cho thấy bị đơn có vay tiền của nguyên đơn trên thực tế, nhận định này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cũng quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó xem như bị đơn thừa nhận số tiền nợ nguyên đơn, đã từ bỏ quyền lợi của mình được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý về việc từ bỏ đó.

Bị đơn nhận tiền, sau đó nguyên đơn đòi lại, bị đơn không thực hiện trả lại tiền trên cho nguyên đơn và nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với bị đơn nhưng bị đơn vẫn không trả, gây thiệt hại cho nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì chủ sở hữu có quyền yêu cầu bị đơn phải trả lại tài sản đó, vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 84.000.000đ.

[2]. *Về lãi suất*: Do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Bị đơn ông Lê Văn T phải chịu án phí đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật là (5% x 84.000.000đ) = 4.200.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, 147, 227, 228, 244, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị X.

[1]. Buộc bị đơn ông Lê Văn T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị X số tiền là 84.000.000đ (*Tám mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 2.800.000đ (*Hai triệu, tám trăm nghìn đồng*), do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

[3]. *Về án phí*: Buộc bị đơn ông Lê Văn T phải chịu án phí là 4.200.000đ (*Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị X số tiền tạm ứng án phí là 2.170.000đ theo biên lai tạm ứng án phí số 0007704, ngày 22/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

[4]. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND Khu vực 2 – Vĩnh Long*;
- *Phòng THADS Khu vực 2 – Vĩnh Long*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo